

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG  
MÃ NGÀNH : 7320106

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG**
- Tên tiếng Anh: **COMMUNICATION TECHNOLOGY**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông
- Chuyên ngành 2. Kinh doanh sản phẩm truyền thông

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Công nghệ Truyền thông
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Communication Technology

#### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

##### 1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đại học ngành Công nghệ Truyền thông đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc, có kiến thức về năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Công nghệ Truyền thông có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng về truyền thông, quản trị, có khả năng sáng tạo, có thể tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phù hợp, phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

##### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- **PO1:** Nắm vững các thể loại sản phẩm và các kênh truyền thông (phát thanh, truyền hình, điện ảnh) về quy trình sản xuất và các kỹ năng quản trị sản xuất các sản phẩm truyền thông xuyên suốt các giai đoạn của quy trình sản xuất; có năng lực sản xuất, kinh doanh và có khả năng tư duy độc lập trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm truyền thông;
- **PO2:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: khả năng giao tiếp, trình bày tốt, sử dụng tốt tiếng Anh, các kỹ năng quản lý dự án, quản trị các nguồn lực, con người, tài

chính, thời gian, có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc tại các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu;

- **PO3:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi.
- **PO4:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;
- **PO5:** Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- **PO6:** Có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có sức khỏe tốt;
- **PO7:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách với xã hội, cộng đồng.

### 1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2020.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 132 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>	<b>9</b>	6,8 %
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>18</b>	13,6 %
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>45</b>	34,1 %
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>	<b>26</b>	19,7 %
1.4.1	Khoa học xã hội	3	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức ngành gần, khác ngành</b>	<b>6</b>	4,6 %
<b>1.6</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>	<b>28</b>	21,2 %
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	28	
1.6.2	Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>132</b>	<b>100,0 %</b>

## 2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>				<b>9</b>						
1.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnam Cultural Establishments	3	3					
1.1.2	PSY1103E	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	3	3					
1.1.3	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	3	3					
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>				<b>18</b>						
1.2.1	COT1102	Lý thuyết truyền thông	Communication Theories	3	3					
1.2.2	PUR1128E	Truyền thông quốc tế	International Communication	3	3				ENG2106	
1.2.3	COT1124	Kỹ thuật quay và dựng phim	Cinematography Techniques	3	3					
1.2.4	COT1105E	Hệ thống thiết bị kỹ thuật sản xuất audio, video	Studio Equipment and Techniques	3	3					
1.2.5	COT1107	Thiết kế nội dung truyền thông	Media Content Design	3	3					
1.2.6	COT1126	Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	Media Production	3	3					
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>				<b>45</b>						
1.3.1	COT1101	Công nghệ trình diễn cơ bản	Acting and Performance	3	3					
1.3.2	JOU1104	Phương pháp biên tập	Copy Editing	3	3					
1.3.3	PUR1108E	Tổ chức sự kiện	Event Management	3	3					
1.3.4	COT1108	Nghệ vụ đạo diễn cơ bản	Directing for Film and Media	3	3					
1.3.5	COT1109	Kịch bản	Screenwriting	3	3					
1.3.6	COT1101E	Kỹ thuật ảnh	Photography Techniques	3	3					
1.3.7	COT1123E	Kỹ xảo và hiệu ứng	Visual Effects	3	3					
1.3.8	COT1113	Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình	Media Entertainment Production	3	3				COT1108	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.9	COT1112E	Sản xuất quảng cáo TVC và New Media	TVC and New Media Production	3	3					
1.3.10	COT1125E	Đồ án New Media	New Media Project	3			3			
1.3.11	COT1321	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3				3		
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp.</i>				<b>12</b>						
<b>Chuyên ngành 1.</b>		<b>Quản trị sản xuất sản phẩm truyền thông</b>	<b>Media Production Management</b>	0						
1.3.12	PUR1106E	Xây dựng và quảng bá thương hiệu	Strategic Brand Solutions	3	3					
1.3.13	COT1116	Quản trị dự án truyền thông	Developing and Managing Communication Campaigns	3	3					
1.3.14	COT1417	Đồ án Quản trị dự án truyền thông	Communication Campaign Project	6			6		COT1125E	
1.3.15	COT1422	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
<b>Chuyên ngành 2.</b>		<b>Kinh doanh sản phẩm truyền thông</b>	<b>Media Business</b>	0						
1.3.12	COT1118	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	Overview of Media Business	3	3					
1.3.13	MKT1130E	Nghiên cứu thị trường	Market Research	3	3					
1.3.14	COT1420	Đồ án Kinh doanh sản phẩm truyền thông	Media Business Project	6			6		COT1125E	
1.3.15	COT1422	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
<b>1.4 Kiến thức nền tảng rộng</b>				<b>26</b>						
<b>1.4.1 Khoa học xã hội</b>				<b>3</b>						
1.4.1.1	SOC1102E	Xã hội học truyền thông	Sociology of Media and Communication	3	3					
<b>1.4.2 Khoa học chính trị</b>				<b>11</b>						
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
<b>1.4.3 Pháp luật</b>				<b>3</b>						
1.4.3.1	LAW1139	Xã hội nhà nước và pháp luật	Society, The State and Law	3	3					
<b>1.4.4 Tin học</b>				<b>3</b>						
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3	2	1				
<b>1.4.5 Thiết kế dự án</b>				<b>6</b>						
1.4.5.1	SKII107	Project design 1	Project Design 1	3	3					
1.4.5.2	SKII108	Project design 2	Project Design 2	3	3				SKII107	
<b>1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành</b>				<b>6</b>						
1.5.1	PUR1131E	Marketing truyền thông	Marketing Communication	3	3					
1.5.2	MKT1103	Quan hệ công chúng	Public Relations	3	3					
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>				<b>31</b>						
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>				<b>28</b>						
1.6.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	4	4					
1.6.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	4	4					
1.6.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	4	4					
1.6.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	4	4					
1.6.1.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	English 5	4	4					
1.6.1.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	English 6	4	4					
1.6.1.7	ENG2107	Tiếng Anh 7	English 7	4	4					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.6.2. Giáo dục thể chất</b> (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)				<b>3</b>						
<i>Nhóm 1</i>										
1.6.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	1		1				
1.6.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	1		1				
1.6.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	1		1				
<i>Nhóm 2</i>										
1.6.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	1		1				
1.6.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	1		1				
1.6.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	1		1				
<i>Nhóm 3</i>										
1.6.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	1		1				
1.6.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	1		1				
1.6.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	1		1				
<i>Nhóm 4</i>										
1.6.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	1		1				
1.6.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	1		1				
1.6.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	1		1				
<b>1.6.3 Giáo dục quốc phòng an ninh</b> (165 tiết)										
1.6.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education							

*Ghi chú:* Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.

### **2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:**

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Công nghệ Truyền thông (xem trang cuối cùng)

### **2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:**

#### **Cơ sở văn hóa Việt Nam: 3 tín chỉ**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Học phần xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Học phần trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, từ đó vận dụng vào các hoạt động quan hệ công chúng, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân quan hệ công chúng khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.

#### **Tâm lý giao tiếp: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.

#### **Mạng xã hội truyền thông tương tác: 3 tín chỉ**

Học phần Mạng xã hội và Truyền thông tương tác cung cấp cho người học các kiến thức về vai trò của mạng xã hội trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp hiện nay, bao gồm: quá trình truyền thông và tương tác trên mạng xã hội, vai trò của người dùng; Tầm quan trọng của việc sử dụng mạng xã hội nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức và gắn kết với khách hàng trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

#### **Lý thuyết truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông.

#### **Truyền thông quốc tế: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cải thiện các kỹ năng giao tiếp và kiến thức chuyên môn bằng tiếng Anh của sinh viên ngành Quan hệ công chúng và Công nghệ truyền thông, cho phép sinh viên làm việc tự tin và hiệu quả hơn. Học phần bao gồm các chủ đề phổ biến cho một loạt các lĩnh vực liên quan đến truyền thông, bao gồm báo, đài, TV, phim và quảng cáo..

#### **Kỹ thuật quay và dựng phim: 3 tín chỉ**

Học phần Kỹ thuật quay và dựng phim nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quay phim và dựng phim, bao gồm cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị quay phim, kỹ thuật ghi hình và thu âm, kỹ thuật cắt dựng phim, kỹ thuật truyền hình trực tiếp. Học phần còn cung cấp kiến thức về kỹ thuật sử dụng phần mềm Premiere để biên tập, tạo hiệu ứng cho phim.

### **Hệ thống thiết bị kỹ thuật sản xuất Audio, Video: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức chuyên về các thiết bị audio - video, thiết bị phát thanh - truyền hình (như máy ghi âm, máy ghi hình, máy tăng âm, bàn trộn âm, máy thu thanh, máy thu hình, máy phát thanh, máy phát hình...); kỹ thuật và hệ thống thiết bị sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; kỹ thuật và thiết bị truyền dẫn, phát sóng phát thanh - truyền hình. Rèn luyện kỹ năng vận hành hệ thống thiết bị phát thanh - truyền hình và sử dụng các phần mềm biên tập âm thanh, hình ảnh, kỹ xảo trong công tác sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; kỹ năng khai thác, sử dụng và vận hành hệ thống thiết bị phát thanh - truyền hình trong công tác truyền dẫn, phát sóng.

### **Thiết kế nội dung truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về xây dựng nội dung truyền thông, bao gồm quy trình thực hiện, các thể loại nội dung, kỹ năng cần thiết; hiểu bố cục, cấu trúc của các format khác nhau của văn bản viết; cách tư duy sáng tạo để sản xuất nội dung phù hợp với nhu cầu đối tượng công chúng và những vấn đề cần lưu ý khi thiết kế nội dung truyền thông.

### **Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về các bước cơ bản trong quy trình sản xuất một sản phẩm truyền thông, bao gồm: lập kế hoạch, sản xuất và biên tập sản phẩm, từ đó có thể áp dụng cho các loại hình sản phẩm truyền thông khác nhau.

### **Công nghệ trình diễn cơ bản: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về kỹ thuật trình diễn, trình bày, bao gồm: yêu cầu, kỹ năng trình bày, ngôn ngữ hình thể, ngôn ngữ điện ảnh, sử dụng các công nghệ hỗ trợ. Từ đó, tạo ra được những phần trình bày truyền tải được thông điệp nội dung, sáng tạo ấn tượng, hiệu quả. Học phần nhằm giúp sinh viên thành thạo kỹ năng, vận dụng tốt kỹ năng trong tổ chức sản xuất ekip làm việc hiệu quả, sản xuất sản phẩm truyền thông sáng tạo.

### **Phương pháp biên tập: 3 tín chỉ**

Học phần củng cố lại các kiến thức về chính tả, văn phạm, ngữ pháp... sử dụng trong quá trình đọc, đánh giá, biên tập sản phẩm truyền thông, nhằm đạt tới những sản phẩm hoàn thiện, thể hiện được thông điệp theo chuẩn mực, nắm rõ các quy chuẩn về biên tập báo chí, cũng như biên tập văn bản nói chung. Sinh viên sẽ được thực hành xử lý các loại văn bản khác nhau.

### **Tổ chức sự kiện: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong chuyên ngành Tổ chức sự kiện và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.

### **Nghịệp vụ đạo diễn cơ bản: 3 tín chỉ**

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về công việc và vai trò người đạo diễn. Đồng thời, trang bị cho sinh viên các nghiệp vụ cơ bản từ khâu tiền kỳ, sản xuất, cho tới khâu hậu kỳ. Song song đó, học phần còn giúp sinh viên định hình rõ phong cách và hướng đi của mình trong sản xuất sản phẩm truyền thông.

### **Kịch bản: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về các thể loại kịch bản, và cách thức triển khai viết kịch bản, triển khai sản xuất theo kịch bản. Đồng thời sinh viên làm quen với kịch bản văn học, kịch bản (phim truyện), kịch bản phân cảnh đạo diễn (kịch bản kỹ thuật, kịch bản storyboard); Phương pháp phát triển sơ đồ tư duy ý tưởng; Cách thể hiện cảm xúc bằng hình ảnh, âm thanh; Cách thể hiện yếu tố kịch tính, sự cao trào kịch bản; Cách trình bày kịch bản của người viết chuyên nghiệp. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ thực hiện dự án viết hoàn thiện kịch bản và lập kế hoạch sản xuất phim ngắn.

### **Kỹ thuật ảnh: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cụ thể về máy ảnh, bố cục ảnh, kỹ thuật nhiếp ảnh và các nguyên tắc chụp ảnh tương ứng với từng thể loại ảnh cụ thể. Học phần đồng thời cung cấp các kỹ thuật sử dụng phần mềm (Photoshop) để chỉnh sửa, trình bày bố cục, thiết kế phục vụ cho việc xây dựng hình ảnh. Những kiến thức này giúp cho sinh viên hiểu, nắm bắt và vận dụng trong quá trình thực tiễn tác nghiệp báo chí, PR; từ các công việc hình ảnh cụ thể, đến các giải thưởng về ảnh, hoặc các bộ sưu tập ảnh lớn, có tác động PR cho chủ thể, tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia.

### **Kỹ xảo và hiệu ứng: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về sản xuất các kỹ xảo, hiệu ứng hình ảnh và âm thanh; kỹ thuật từ cơ bản đến nâng cao với những ứng dụng thực tiễn; từ cắt ghép, chỉnh màu đến thêm hiệu ứng; quản lý media, làm việc với hình ảnh, audio, video; tạo hiệu ứng hoạt hình trong sản phẩm truyền thông.

### **Sản xuất chương trình giải trí phát thanh truyền hình: 3 tín chỉ**

Học phần giới thiệu các thể loại chương trình giải trí trên truyền hình và truyền thanh; phương pháp sản xuất các chương trình giải trí; vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong êkíp sản xuất chương trình giải trí; cấu trúc chương trình truyền hình; quy trình sản xuất chương trình truyền hình giải trí. Sinh viên được rèn luyện về cách vận dụng thực tiễn và phát triển sản phẩm truyền thông giải trí.

### **Sản xuất quảng cáo TVC và New Media: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình sản xuất một quảng cáo TVC, bao gồm các công đoạn phát triển kịch bản, tiền kỳ, sản xuất, hậu kỳ và phát hành; các kỹ thuật làm phim để sinh viên ứng dụng vào sản xuất một sản phẩm TVC/New media.

### **Đồ án New Media: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để sinh viên nghiên cứu xây dựng một sản phẩm new media, mô tả và sử dụng các xu hướng new media mới nhất và kết hợp chúng vào một sản phẩm cụ thể. Bằng cách phát triển các kỹ năng, học phần hỗ trợ các sinh viên ứng dụng các lý thuyết và kỹ năng đã học vào thực tế.

### **Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ**

Nhằm giúp cho sinh viên củng cố và nâng cao được kiến thức thực tế sau khi đã học các môn học lý thuyết. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đánh giá được kết quả đào tạo thuộc chuyên cũng như chương trình đào tạo có sát thực tế không, được thực tế chấp nhận không. Hình thành được kỹ năng tự nghiên cứu; rèn

luyện được kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc, kỹ năng giao tiếp với khách hàng và xử lý được các tình huống phát sinh trong hoạt động.

### **Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ**

- Học phần này dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài học phần Khóa luận tốt nghiệp.
- Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả.
- Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận

### **Xây dựng và quảng bá thương hiệu: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách định vị thương hiệu dựa trên sự thấu hiểu khách hàng và thị trường; quy trình xây dựng 1 chiến lược phát triển thương hiệu.

### **Quản trị dự án truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để nghiên cứu về đội ngũ thực hiện và quy trình vận hành của một dự án truyền thông đa phương tiện, mô tả các xu hướng công nghiệp mới nhất và kết hợp chúng vào một chương trình quản lý dự án. Bằng cách phát triển các kỹ năng thực tế, môn học hỗ trợ các sinh viên phát triển dự án và cung cấp một cái nhìn tổng quan về các vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất một sản phẩm truyền thông cụ thể.

### **Đề án quản trị dự án truyền thông: 6 tín chỉ**

Trong khóa học này, sinh viên sẽ thử sức mình với tư cách là người quản lý dự án truyền thông cho một công ty hoặc tổ chức, với mục tiêu lập kế hoạch, xây dựng mô hình, tổ chức vận hành cho một chiến dịch truyền thông thực tế. Sinh viên sẽ học cách đưa các bên liên quan khác nhau vào dự án, tiến hành chiến lược, lập kế hoạch và phát triển một sản phẩm truyền thông; đánh giá mức độ thành công và tác động xã hội.

### **Kinh doanh sản phẩm truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần Kinh doanh sản phẩm truyền thông được thiết kế để cung cấp cho người học các kiến thức về những vấn đề liên quan trong hoạt động kinh doanh một sản phẩm truyền thông như nghiên cứu thị hiếu khách hàng, sản xuất, định giá, quảng cáo và phân phối sản phẩm; những vấn đề cần lưu ý, các thách thức và xu hướng mới trong việc kinh doanh các sản phẩm truyền thông.

### **Nghiên cứu thị trường: 3 tín chỉ**

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các công cụ để nghiên cứu thị trường. Học phần minh họa các ứng dụng nghiên cứu thị trường trong quảng cáo, lập trình, phân tích tài chính và chính sách xã hội; mô tả dữ liệu nghiên cứu đối tượng và tóm tắt lịch sử nghiên cứu thị trường, phương pháp nghiên cứu thường được sử dụng nhất và các loại sản phẩm nghiên cứu xếp hạng hiện có; và thảo luận về phân tích dữ liệu nghiên cứu thị trường bằng cách đưa ra một chuẩn chung và tập trung cụ thể vào phân tích dữ liệu.

Học phần còn cung cấp phương pháp căn bản trong nghiên cứu thị hiếu công chúng; Phương pháp và công nghệ nghiên cứu thị hiếu khán thính giả hiện được sử dụng tại Việt Nam và trên thế giới; Công cụ phần mềm về lĩnh vực này hiện đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường Việt Nam.

### **Đồ án kinh doanh sản phẩm truyền thông: 6 tín chỉ**

Trong khóa học này, sinh viên sẽ thử sức mình với tư cách là người kinh doanh sản phẩm truyền thông cho một công ty hoặc tổ chức phi chính phủ. Sinh viên sẽ tiến hành các hoạt động trong hoạt động kinh doanh một sản phẩm truyền thông như nghiên cứu thị hiếu khách hàng, sản xuất, định giá, quảng cáo và phân phối sản phẩm; những vấn đề cần lưu ý, các thách thức và xu hướng mới; đánh giá mức độ thành công của sản phẩm và doanh số sản phẩm.

### **Xã hội học truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần xã hội học truyền thông tập trung vào nghiên cứu các quan hệ bản chất trong xã hội học và truyền thông học, nhằm trang bị kiến thức nền tảng cho sinh viên. Môn học trình bày những nội dung cơ bản của xã hội học trong truyền thông: các lý thuyết xã hội học trong truyền thông, đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản; vận dụng lý thuyết xã hội học trong truyền thông, các hiện tượng xã hội hóa, lệch chuẩn, tâm lý đám đông... nhằm giúp sinh viên nắm bắt được xu hướng, tâm lý của từng giới, lớp xã hội, từ đó hiểu cơ chế tác động và từng bước tham gia vào quá trình tác động nhằm thay đổi nhận thức và hành vi xã hội.

### **Triết học Mác – Lênin: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp kiến thức triết học, bao gồm: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật (CNDV) biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của CNDV biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

### **Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ**

Nội dung học phần gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.

### **Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ**

Nội dung Học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.

### **Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương, bao gồm những nội dung về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước Việt Nam; Đoàn kết; Văn hóa, đạo đức, con người.

## **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ**

Học phần ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể như sau: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

## **Tin học đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

## **Xã hội Nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: những quy luật chung nhất, những phạm trù, khái niệm chủ yếu nhất, những mối liên hệ phổ biến nhất của nhà nước và pháp luật. Môn học này giúp chúng ta lý giải về bản chất đích thực, tính chất, đặc trưng, hình thái biểu hiện, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước cũng như của các thiết chế nhà nước; những đặc trưng chủ yếu, những chức năng cơ bản của pháp luật, các hình thức tồn tại của pháp luật, các chế định pháp luật, ngành luật và hệ thống pháp luật; sự tương tác của pháp luật với đạo đức, văn hóa và các phạm trù xã hội khác.

## **Project design 1: 3 tín chỉ**

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

## **Project design 2: 3 tín chỉ**

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát như cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

### **Marketing truyền thông: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong tổ chức, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Hiểu được kiến thức môn học sinh viên có thể tìm hiểu phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng; mối liên hệ giữa marketing và các công cụ khác trong truyền thông marketing tích hợp. Học phần giúp sinh viên có thể phối hợp sử dụng các nguồn lực và công cụ của các lĩnh vực PR – Marketing – Truyền thông, nhằm đạt hiệu quả công việc tốt nhất.

### **Quan hệ công chúng: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng cơ bản về Quan hệ công chúng, nhằm giúp người học nắm được lịch sử phát triển, tổng quan lý thuyết, tiềm năng phát triển, hiện trạng hoạt động quan hệ công chúng. Học phần nghiên cứu các nguyên lý quan hệ công chúng trong kinh doanh. Học phần tập trung vào tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật được dùng để đạt được và duy trì hình ảnh tích cực của doanh nghiệp trong công chúng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp; các phân tích về quan điểm và thái độ của công chúng; các chính sách quan hệ công chúng; áp dụng các lý thuyết về quan hệ công chúng vào các tình huống thực tế. Người học sẽ phải làm một nghiên cứu thực tế.

### **Tiếng Anh 1: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

### **Tiếng Anh 2: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe

và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đến cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

### **Tiếng Anh 3: 4 tín chỉ**

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hằng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

### **Tiếng Anh 4: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

### **Tiếng Anh 5: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

### **Tiếng Anh 6: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Học phần hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### **Tiếng Anh 7: 4 tín chỉ**

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các cấu trúc ngữ pháp nâng cao và những bài tập rèn luyện kỹ năng làm bài thi IELTS - chú trọng nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Học phần giúp sinh viên rèn luyện và áp dụng

hiệu quả các chiến lược làm bài thi, và hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### **Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 03 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

### **Giáo dục quốc phòng an ninh: 165 tiết (05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020)**

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.